

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **32/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/10/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính

Ông Nguyễn Sỹ Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 250/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị D, sinh năm 1994; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cùng bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn Bà Triệu Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị D và Ông Nguyễn Thanh V tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và lấy nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P,

tỉnh Bình Phước vào ngày 10/5/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau dẫn đến đời sống vợ chồng gặp nhiều bất hòa đến giữa năm 2015 bà D và ông V đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay, sau đó đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn để làm Giấy khai sinh cho con. Từ khi ly thân đến nay bà D và ông V cũng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, nay bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống bà D và ông V có một con chung tên là Nguyễn Thanh Thúy H, sinh ngày 12/9/2012. Từ khi ly hôn đến nay con chung do ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà D đồng ý để ông V tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và bà D cấp dưỡng hàng tháng cho cháu H là 2.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông cùng quan điểm với bà D về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian sống ly thân. Nhưng ông V cho rằng những mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay bà D có đơn ly hôn với ông, ông V không đồng ý ly hôn vì ông con thương vợ con và mong muốn bà D cho cơ hội để hàn gắn và trở về cùng chung sống đoàn tụ với nhau và cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V xác định vợ chồng không thể trở về đoàn tụ cùng chung sống nên đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông V có một con chung tên là Nguyễn Thanh Thúy H, sinh ngày 12/9/2012. Từ khi ly hôn đến nay con chung do ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông V có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và bà D cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/ tháng cho cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia

đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn Bà Triệu Thị D được ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Thanh V.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu của bà D.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn Bà Triệu Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Thanh V theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn Ông Nguyễn Thanh V có nơi cư trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về nội dung*: Bà D và ông V tự nguyện chung sống và lấy nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 10/5/2017. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay không ai còn quan tâm đến ai.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra tại phiên tòa ông V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà D đối với bị đơn ông V.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D và ông V thống nhất có một con chung tên là Nguyễn Thanh Thúy H, sinh ngày 12/9/2012, hiện con chung đang sống với ông V. Khi ly hôn, ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi

dưỡng các con chung, yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho cháu Hiền là 2.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D đồng ý để ông V tiếp tục nuôi con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng cho cháu H là 2.000.000đ mỗi tháng như ông V yêu cầu.

Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng của bà D và ông V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Triệu Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Triệu Thị D được ly hôn với Ông Nguyễn Thanh V.

2/ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh Thúy H, sinh ngày 12/9/2012 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho cháu H cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Triệu Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án ph í số 027181 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã Phú Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh